

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2018/HS-ST

Ngày 09-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phương

2. Bà Cái Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Thúc Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Đặng Quốc A, sinh ngày: 12/10/1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 8, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quốc D và bà Tôn Nữ Thị L; Có vợ là Hoàng Thị Kim C và có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/12/2017 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Cao Nữ Tố U, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Đặng Quốc D, sinh năm: 1954; địa chỉ: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 13/11/2017, chị Cao Nữ Tố U đến nhà của chị Đặng Thị N ở tại: Tổ 8, phường T, thị xã Hương Thủy để chơi. Chị U và chị N mỗi người để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus trong phòng ngủ của chị N, sau đó cùng nhau ra phòng khách ăn cơm.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đặng Quốc A là anh ruột của chị Đặng Thị N đi làm về. Bị cáo A thấy có 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus đang để ở trong phòng (01 cái điện thoại của chị U để trên giường ngủ và 01 cái điện thoại của chị N đang sạc pin để dưới nền của phòng ngủ) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt cả 02 chiếc điện thoại nói trên để đem bán lấy tiền tiêu xài. A lén lút vào phòng ngủ của chị N lấy 02 chiếc điện thoại, rồi đem ra khu vực chuồng gà của gia đình để cất giấu, sau đó đi vào cùng với cả nhà ăn cơm. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, chị U vào phòng của chị N để lấy điện thoại thì phát hiện bị mất và nói với chị N, chị N đi vào phòng tìm điện thoại của mình thì cũng không thấy, chị N mượn điện thoại của A gọi vào số điện thoại của 02 chiếc máy điện thoại trên thì nghe đổ chuông nhưng vẫn không tìm thấy. Do sợ bị phát hiện, nên A cũng giả vờ đi tìm, rồi ra chỗ cất giấu điện thoại tắt nguồn cả 02 chiếc điện thoại. Sau khi không tìm thấy điện thoại, chị U và chị N đã trình báo Cơ quan Công an.

Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 14/11/2017, do sợ bị phát hiện nên A lấy 02 chiếc điện thoại trên ra bỏ lại ở khu vực đất trống gần nhà của mình. Sau đó, Cơ quan điều tra đã triệu tập Đặng Quốc A làm việc và A đã khai nhận về hành vi phạm tội trên của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 118/HĐ-ĐG ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy đã kết luận: 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, có tổng trị giá: 8.832.000đ (*Tám triệu tám trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 22/CT-VKSHTh ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Đặng Quốc A về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, người làm chứng tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Đặng Quốc A đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Quốc A từ 06 tháng đến 07 tháng tù. Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo Đặng Quốc A: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm việc để phụ giúp gia đình, nuôi con còn nhỏ.

Ý kiến của các bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo Đặng Quốc A thấy rằng: Vào khoảng 18 giờ, ngày 13/11/2017 bị cáo Đặng Quốc A đã có hành vi lết lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng của chị Cao Nữ Tố U và chị Đặng Thị N, giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị theo kết luận của Hội đồng định giá là 8.832.000đ. Với hành vi và hậu quả nêu trên, bị cáo Đặng Quốc A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 .

[4] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, bị cáo nhất thời phạm tội nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.*”, tuy nhiên xét bị cáo có thu nhập thấp, nhất thời phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy đã xử lý vật chứng trả lại tài sản là 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng cho các bị hại. Không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc A phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Quốc A 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Quốc A cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử buộc bị cáo Đặng Quốc A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSNDTX Hương Thủy;
- CANDTX Hương Thủy;
- Chi cục THADSTX Hương Thủy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Xuân Huế